TMĐT02

TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

**ĐƠN VỊ: CNTT**

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI KHOA HỌC**

**VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG DO SINH VIÊN THỰC HIỆN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. TÊN ĐỀ TÀI : các nhân tố ảnh hưởng tới quyết đinh chọn việc làm của sinh viên mới ra trường** | | | | | | | | | | | | **2. MÃ SỐ** | | | | |
| **3. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tự nhiên |  | Kỹ thuật |  | Môi trường |  | | Kinh tế; XH-NV | X | Nông Lâm |  | ATLĐ |  | | Giáo dục |  | Y Dược |  | Sở hữu  trí tuệ |  | | | | | | | | | | | | | **4. LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Cơ  bản | | | Ứng  dụng | | | Triển  khai | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | | | | |
| **5. THỜI GIAN THỰC HIỆN** ......... **tháng**  Từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **6. ĐƠN VỊ CỦA CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  Tên đơn vị:  Điện thoại:  E-mail:  Địa chỉ:  Họ và tên thủ trưởng đơn vị: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **7. CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  Họ và tên: Đặng Lê Thiên Thuận  Học lực: Khá  Địa chỉ cơ quan:  Điện thoại cơ quan:  Di động: 0366959381  E-mail:thuan\_dth215797@student.agu.edu.vn | | | | | | MSSV:DTH215797  Năm sinh:2003  Địa chỉ nhà riêng: Cần Thơ  Điện thoại nhà riêng:  Fax: | | | | | | | | | | |
| **8. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| TT | | | Họ và tên/MSSV | Khoa | | | | Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao | | | | | | | | Chữ ký |
|  | | | Trần Thanh Cao - DTH215834  Nguyễn Văn Nam - DTH215767  Lê Ngân Lượng - DTH215765 | CNTT  CNTT  CNTT | | | |  | | | | | | | |  |
| **9. CÁN BỘ HƯỚNG DẪN** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| TT | | | Họ và tên  Lê Công Đoàn | Đơn vị công tác | | | | Nội dung hướng dẫn | | | | | | | | Chữ ký |
| **10. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tên đơn vị  trong và ngoài nước | | | | Nội dung phối hợp nghiên cứu | | | | | | | | | Họ và tên người đại diện đơn vị | | | |
|  | | | |  | | | | | | | | |  | | | |
| 1. **TÍNH CẦN THIẾT CỦA ĐỀ TÀI : cho thấy biến động của thị trường lao động, định hướng được nghề nghiệp , tăng khả năng cạnh tranh và phát triển bản thân** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **12. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC CỦA ĐỀ TÀI Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC**  11.1 Trong nước :  **· Yếu tố kinh tế:** Tình hình kinh tế và thị trường lao động ảnh hưởng lớn đến cơ hội việc làm, mức lương và nhu cầu nhân lực.  **· Trình độ học vấn:** Bằng cấp và kỹ năng chuyên môn quyết định khả năng xin việc và lựa chọn nghề nghiệp.  **· Mạng lưới quan hệ:** Các mối quan hệ cá nhân, gia đình và bạn bè thường có tác động mạnh mẽ đến cơ hội việc làm.  **· Định hướng nghề nghiệp**: Chương trình học và tư vấn nghề nghiệp tại trường đại học có ảnh hưởng đến nhận thức và sự chuẩn bị của sinh viên.  11.2 Ngoài nước :  · **Yếu tố văn hóa**: Văn hóa và giá trị xã hội ở từng quốc gia ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên.  · **Xu hướng toàn cầu**: Sự chuyển đổi công nghệ và xu hướng toàn cầu ảnh hưởng đến ngành nghề và yêu cầu kỹ năng.  · **Chính sách lao động**: Các chính sách hỗ trợ việc làm của chính phủ có thể tạo ra nhiều cơ hội cho sinh viên mới ra trường.  · **Thị trường quốc tế**: Cơ hội làm việc ở nước ngoài và môi trường làm việc quốc tế cũng là yếu tố quyết định cho sinh viên. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **MỤC TIÊU ĐỀ TÀI :**  * **Xác định các nhân tố chính**: Phân tích và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn việc làm của sinh viên mới ra trường, bao gồm yếu tố kinh tế, xã hội, và cá nhân. * **Đánh giá ảnh hưởng của từng yếu tố**: Nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến quyết định nghề nghiệp, từ đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn về quá trình ra quyết định. * **So sánh trong và ngoài nước**: Đưa ra sự so sánh giữa các nhân tố ảnh hưởng tại Việt Nam và các quốc gia khác, nhằm tìm hiểu sự khác biệt và tương đồng. * **Đề xuất giải pháp**: Cung cấp các khuyến nghị và giải pháp cho sinh viên, trường học và nhà tuyển dụng để nâng cao hiệu quả trong việc chọn lựa nghề nghiệp. * **Tạo cơ sở cho nghiên cứu tiếp theo**: Đưa ra nền tảng cho các nghiên cứu tương lai về vấn đề việc làm của sinh viên, góp phần phát triển các chính sách và chương trình hỗ trợ việc làm. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **14. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU HOẶC GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU**  **1. Những yếu tố nào có tác động lớn nhất đến quyết định chọn việc làm của sinh viên mới ra trường?**  **2. Ảnh hưởng của mức lương và phúc lợi đến lựa chọn công việc của sinh viên mới tốt nghiệp ra sao?**  **3. Môi trường làm việc và cơ hội phát triển nghề nghiệp ảnh hưởng như thế nào đến quyết định chọn việc của sinh viên sau khi ra trường?** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **15. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU**  15.1. Đối tượng nghiên cứu  Đối tượng nghiên cứu là sinh viên trong và ngoài nước mới tốt nghiệp hoặc chuẩn bị tốt nghiệp tại các trường đại học, cao đẳng.  15.2. Phạm vi nghiên cứu  Phạm vi nghiên cứu tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn việc làm của sinh viên trong khoảng thời gian 1-2 năm sau khi tốt nghiệp  15.3. Công cụ nghiên cứu  **Bảng câu hỏi khảo sát (Questionnaire):** Dùng để thu thập dữ liệu định lượng từ một mẫu lớn sinh viên mới tốt nghiệp. Câu hỏi sẽ được thiết kế xoay quanh các yếu tố chính như mức lương, phúc lợi, cơ hội phát triển, môi trường làm việc, uy tín công ty, và văn hóa doanh nghiệp.  15.4. Tiến trình nghiên cứu  **Giai đoạn 1:** Xác định và phân tích các tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu để xây dựng khung lý thuyết.  **Giai đoạn 2:** Thiết kế bảng câu hỏi khảo sát và danh sách câu hỏi phỏng vấn dựa trên các yếu tố đã xác định trong lý thuyết.  **Giai đoạn 3:** Tiến hành khảo sát và phỏng vấn sinh viên mới ra trường tại các trường đại học, cao đẳng đã chọn.  **Giai đoạn 4:** Thu thập và xử lý dữ liệu, sau đó tổng hợp kết quả để chuẩn bị cho quá trình phân tích.  15.5. Phân tích dữ liệu  **Phân tích định lượng:** Sử dụng phần mềm thống kê như SPSS hoặc Excel để xử lý và phân tích dữ liệu từ bảng câu hỏi khảo sát. Phân tích sẽ giúp xác định các yếu tố có tác động mạnh nhất đến quyết định chọn việc làm của sinh viên mới tốt nghiệp.  **Phân tích định tính:** Sử dụng phương pháp phân tích nội dung (Content Analysis) từ các cuộc phỏng vấn sâu để xác định và làm rõ các động lực và yếu tố ảnh hưởng được sinh viên đề cập chi tiết hơn, từ đó đưa ra các khuyến nghị cho các tổ chức tuyển dụng. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **16. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**  16.1. Mẫu nghiên cứu  16.2. Thiết kết nghiên cứu  …. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **17. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**  17.1. Nội dung nghiên cứu   1. Mức lương và phúc lợi 2. Cơ hội phát triển 3. Môi trường làm việc 4. Địa điểm làm việc   17.2. Tiến độ thực hiện  - Đang trong quá trình hoàn thiện | | | | | | | | | | | | | | | | |
| STT | | Các nội dung, công việc  thực hiện | | Sản phẩm | | | | | | | Thời gian  (bắt đầu-kết thúc) | | | | Người thực hiện | |
| 1  2  3 | |  | |  | | | | | | |  | | | |  | |
| **18. SẢN PHẨM** (đánh dấu vào bảng phân loại sản phẩm; không nên đồng nhất Báo cáo tổng kết đề tài với sản phẩm của đề tài).  18.1 Sản phẩm khoa học  Sách chuyên khảo Bài báo đăng tạp chí nước ngoài  Sách tham khảo Bài báo đăng tạp chí trong nước  Giáo trình Bài đăng kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế  18.2 Sản phẩm đào tạo  Nghiên cứu sinh Cao học Đại học  18.3 Sản phẩm ứng dụng   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Mẫu |  | Vật liệu |  | Thiết bị máy móc |  | | Giống cây trồng |  | Giống vật nuôi |  | Qui trình công nghệ |  | | Tiêu chuẩn |  | Qui phạm |  | Sơ đồ, bản thiết kế |  | | Tài liệu dự báo |  | Đề án |  | Luận chứng kinh tế |  | | Phương pháp |  | Chương trình máy tính |  | Bản kiến nghị |  | | Dây chuyền công nghệ |  | Báo cáo phân tích |  | Bản quy hoạch |  |  * 1. Các sản phẩm khác: (không thuộc các loại sản phẩm nêu trên, ghi cụ thể)   18.5 Tên sản phẩm, số lượng và yêu cầu khoa học đối với sản phẩm | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Stt | | Tên sản phẩm | | | Số lượng | | | | Yêu cầu khoa học | | | | | | | |
| 1  2  3 | |  | | |  | | | |  | | | | | | | |
| **19. HIỆU QUẢ**  19.1 Đóng góp về mặt khoa học  Nghiên cứu này bổ sung thêm kiến thức về tâm lý và hành vi nghề nghiệp của sinh viên mới ra trường, giúp xây dựng lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn công việc của họ. Kết quả nghiên cứu có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu về thị trường lao động và quản lý nguồn nhân lực.  19.2 Đóng góp công tác đào tạo  Nghiên cứu cung cấp thông tin cho các trường đại học, cao đẳng nhằm cải thiện chương trình đào tạo, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Các trường có thể sử dụng kết quả này để tăng cường kỹ năng và kiến thức mà nhà tuyển dụng mong đợi từ sinh viên mới ra trường.   * 1. Đóng góp phát triển kinh tế xã hội   Nghiên cứu giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn nhu cầu của sinh viên mới ra trường, từ đó nâng cao hiệu quả tuyển dụng và giữ chân nhân tài. Điều này không chỉ giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp cho sinh viên mới tốt nghiệp mà còn góp phần tăng trưởng kinh tế, giảm sự lãng phí nguồn nhân lực.   * 1. Đóng góp bảo vệ môi trường   Nghiên cứu khuyến khích các công ty cung cấp môi trường làm việc xanh, thân thiện, có tác động tích cực tới môi trường. Sinh viên có xu hướng chọn những công ty quan tâm đến bảo vệ môi trường, từ đó thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện các hoạt động bền vững.   * 1. Những đóng góp khác   Kết quả nghiên cứu có thể được các tổ chức hỗ trợ nghề nghiệp, các dịch vụ tuyển dụng, và chính sách lao động sử dụng để hỗ trợ sinh viên tìm được việc làm phù hợp. Điều này có thể làm tăng tỷ lệ hài lòng công việc, cải thiện sức khỏe tinh thần cho người lao động mới bước vào thị trường. | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **20. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊA CHỈ ỨNG DỤNG**   * 1. Chuyển giao kết quả nghiên cứu   20.2 Địa chỉ ứng dụng kết quả nghiên cứu | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **21. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**  **Tổng kinh phí:**  Trong đó:  Ngân sách Nhà nước: Các nguồn kinh phí khác:  Dự trù kinh phí theo các mục chi *Đơn vị tính: ngàn đồng* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Stt** | **Khoản chi, nội dung chi** | | | | | | **Số lượng** | | | **Đơn giá** | | | | **Thành tiền** | | |
| **I** | **Chi công lao động tham gia trực tiếp thực hiện đề tài** | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
|  | Chi công lao động của cán bộ khoa học, nhân viên kỹ thuật trực tiếp tham gia thực hiện đề tài | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
|  | Chi công lao động khác phục vụ triển khai đề tài | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
| **II** | **Chi mua nguyên nhiên vật liệu** | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
|  | Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, tạp chí tham khảo, tài liệu kỹ thuật, tài liệu chuyên môn, các xuất bản phẩm, dụng cụ bảo hộ lao động phục vụ công tác nghiên cứu | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
| **III** | **Thuê khoán chuyên môn** | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
| **IV** | **Công tác phí, chi phí điều tra** | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
| **V** | **Chi khác** | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
| Công tác phí | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
|  | Hội nghị, hội thảo khoa học | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
|  | Văn phòng phẩm, in ấn, dịch tài liệu | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
|  | Phí xác lập quyền sở hữu trí tuệ | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
|  | Chi khác liên quan trực tiếp đến đề tài | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
|  | **Tổng cộng** | | | | | |  | | |  | | | |  | | |
| |  |  | | --- | --- | | *Ngày…tháng…năm……*  **ĐƠN VỊ** | *Ngày…tháng…năm……*  **Chủ nhiệm đề tài** |   *Ngày…tháng…năm……*  **HIỆU TRƯỞNG** | | | | | | | | | | | | | | | | |

***Lưu ý:***

1. Viết ngắn gọn, phản ánh nội dung nghiên cứu.
2. Ghi mã số (nếu có).
3. Xác định đúng lĩnh vực mà chủ nhiệm đề tài định nghiên cứu.
4. Xác định loại hình nghiên cứu: cơ bản, ứng dụng, triển khai.
5. Xác định quỹ thời gian cuộc nghiên cứu bắt đầu và kết thúc.
6. Cung cấp đầy đủ thông tin đơn vị của chủ nhiệm đề tài đang công tác.
7. Cung cấp đầy đủ thông tin của chủ nhiệm đề tài.
8. Cung cấp đầy đủ thông tin của các thành viên tham gia đề tài và các nhiệm vụ mà họ được giao.
9. Cung cấp thông tin cán bộ hướng dẫn.
10. Cung cấp thông tin đơn vị phối hợp thực hiện đề tài (có văn bản đồng ý của đơn vị phối hợp do người đại diện ký gửi kèm theo Thuyết minh đề tài).
11. Nêu sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩalý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)
12. Phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình có liên quan ngoài nước, trong nước và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)
13. Cần ghi một cách cụ thể, rõ ràng, có thể định lượng hoặc định tính được; có tính khả thi; không viết mục tiêu quá rộng hoặc quá nhiều mục tiêu trong một đề tài).
14. Nêu câu hỏi nghiên cứu hoặc giả thuyết nghiên cứu.
15. Nếu không xác định đúng đối tượng nghiên cứu thì không thể thực hiện được đề tài, nêu rõ giới hạn nội dung, thời gian, không gian (nên lý giải sự chọn mẫu).
16. Nêu rõ cách tiếp cận nghiên cứu đề tài. VD: (1) nghiên cứu lý thuyết-thử nghiệm-ứng dụng; (2) Giải mã công nghệ (sản phẩm tiêu chuẩn) - thiết kế quy trình công nghệ - chế tạo; (3) Lý thuyết-thực trạng => giải pháp; (4) Thực trạng-lý thuyết => giải pháp); Nêu rõ phương pháp nghiên cứu (điều tra, thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh, chuyên gia,…) và kỹ thuật sử dụng các phương pháp.
17. Xác định những nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logíc, phù hợp cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra. Nên cụ thể hóa nội dung nghiên cứu thành từng chương.
18. Sản phẩm khoa học: sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình, bài báo đăng tạp chí nước ngoài, bài báo đăng tạp chí trong nước, báo cáo đăng kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế và trong nước; Sản phẩm đào tạo: Đại học, Cao học; Sản phẩm ứng dụng: mẫu, giống cây trồng, tài liệu dự báo, phương pháp, thang đo …
19. Hiệu quả (khoa học, đào tạo, kinh tế - xã hội …).
20. Nêu phương thức chuyển giao và ghi địa chỉ ứng dụng kết quả đề tài.
21. Ghi cụ thể kinh phí từ NSNN và các nguồn khác (nếu có).